

CÁC THỦA ĐẤT CHƯA ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LỘC YÊN (CŨ) (đất lâm nghiệp thuộc tỷ lệ bản đồ 1/10000)

Tờ bản đồ số	Số thửa	Chủ sử dụng	Diện tích	Kết quả đăng ký đất đai
1	1		3.257,0	
1	2	UBND Xã	85.527,0	
1	4		4.092,0	
1	6	Hộ ông: Lý Văn Hình	88.606,0	
1	8	UBND Xã	140.446,0	
1	10	Hộ ông: Hoàng Văn Khiên	75.998,0	
1	13	Hộ ông: Hoàng Văn Khiên	4.558,0	
1	14		7.163,0	
1	15	Hộ ông: Hoàng Văn Trọng	3.467,0	
1	17	Hộ ông: Hoàng Văn Trọng	20.512,0	
1	19	UBND Xã	40.155,0	
1	20		8.955,0	
1	22		2.975,0	
1	26	Hộ ông: Lương Văn Hoạt	3.859,0	
1	28		3.517,0	
1	33	UBND Xã	2.542,0	
1	35		31.998,0	
1	43	Hộ ông: Tôn Văn Hội	5.386,0	
1	44	Hộ ông: Hoàng Chung Liên	80.794,0	
1	45	Hộ ông: Hoàng Chung Liên	132.787,0	
1	50	Hộ ông: Lý Văn Hình	2.930,0	
1	52		9.290,0	
1	53		167.866,0	
1	56		7.605,0	
1	57		6.884,0	
1	58		16.065,0	
1	59		7.682,0	
1	60		19.676,0	
1	61		150.521,0	
1	62		16.318,0	
1	63		40.412,0	
1	65	Hộ ông: Hoàng Chung Liên	2.415,0	
1	67		15.554,0	
1	69	UBND Xã	3.926,0	
1	70		2.017,0	
1	73	Hộ ông: Tôn Văn Slanh	49.937,0	
1	77	Hộ ông: Tôn Đức Việt	11.363,0	
1	78	Hộ ông: Tôn Đức Việt	5.524,0	
1	79	Hộ ông: Tôn Văn Hội	2.184,0	
1	81		16.694,0	
1	85	UBND Xã	55.762,0	
1	99	Hộ ông: Tôn Đức Việt	3.440,0	
1	103	UBND Xã	21.686,0	
1	105	UBND Xã	10.052,0	
1	106	UBND Xã	9.934,0	

1	107		2.435,0	
1	108	Hộ ông: Tôn Văn Dao	15.047,0	
1	111	Hộ ông: Tôn Đức Việt	7.813,0	
1	112	UBND Xã	27.795,0	
1	118	UBND Xã	41.993,0	
1	119		4.407,0	
1	121	UBND Xã	9.158,0	
1	122		25.133,0	
1	124	Hộ ông: Lý Xuân Thành	27.643,0	
1	126		19.838,0	
1	127		9.156,0	
1	128		8.633,0	
1	130		11.346,0	
1	131		4.906,0	
1	132		4.815,0	
1	133		8.678,0	
1	135	Hộ ông: Hoàng Văn Thành	2.954,0	
1	136	UBND Xã	2.178,0	
1	137		54.868,0	
1	138	UBND Xã	6.817,0	
1	139	Hộ ông: Hoàng Văn Chiến	4.343,0	
1	140	Hộ ông: Lương Văn Tiu	1.880,0	
1	142		34.597,0	
1	143		5.311,0	
1	144	Hộ ông: Hoàng Văn Chiến	4.066,0	
1	146	UBND Xã	13.691,0	
1	149		551,0	
1	150		11.382,0	
1	151	Hộ ông: Hoàng Văn Cường	2.101,0	
1	153	UBND Xã	2.231,0	
1	156		2.174,0	
1	161		438,0	
1	163	UBND Xã	1.991,0	
1	170		8.443,0	
1	171	UBND Xã	3.526,0	
1	173	UBND Xã	1.247,0	
1	174		6.106,0	
1	175		6.961,0	
1	176		39.761,0	
1	177		16.338,0	
1	178		269.770,0	
1	179	UBND Xã	3.736,0	
1	180		7.888,0	
1	181		88.017,0	
1	182	UBND Xã	1.217,0	
1	188	UBND Xã	6.527,0	
1	189	UBND Xã	5.288,0	
1	190		6.790,0	
1	201		5.610,0	
1	203	UBND Xã	12.034,0	

1	220		10.647,0	
1	221	UBND Xã	919,0	
1	223		2.913,0	
1	227	UBND Xã	7.963,0	
1	230	UBND Xã	17.524,0	
1	235		6.187,0	
1	236		55.304,0	
1	237	UBND Xã	4.213,0	
1	238		15.081,0	
1	240		1.758,0	
1	242		6.237,0	
1	245	Hộ ông: Lý Văn Cừ	4.065,0	
1	247		10.344,0	
1	248		1.189,0	
1	249	Hộ ông: Hoàng Văn Trọng	12.885,0	
1	250	Hộ ông: Lưu Văn Trường	3.616,0	
1	251	Hộ ông: Lưu Văn Trường	4.666,0	
1	255		6.660,0	
1	256		12.946,0	
1	257		22.870,0	
1	258	UBND Xã	3.000,0	
1	262		33.711,0	
1	263		15.015,0	
1	264		34.433,0	
1	265		140.211,0	
1	266		17.220,0	
1	271	UBND Xã	2.271,0	
1	276		33.798,0	
1	277		2.450,0	
1	279	Hộ ông: Lý Văn Thành	1.115,0	
1	281		4.310,0	
1	288	UBND Xã	24.503,0	
1	293	UBND Xã	27.489,0	
1	296	UBND Xã	21.710,0	
1	299	Hộ ông: Lê Văn Sương	6.356,0	
1	301		12.897,0	
1	304		11.466,0	
1	314		55.090,0	
1	321		40.681,0	
1	323		79.337,0	
1	324		9.240,0	
1	326		191.319,0	
1	330		48.785,0	
1	335		12.393,0	
1	336	UBND Xã	2.617,0	
1	338		15.558,0	
1	339		38.778,0	
1	341		28.141,0	
1	347		10.794,0	
1	348		293.102,0	

1	355		3.925,0	
1	356		4.813,0	
1	358		62.381,0	
1	360		19.940,0	
1	361		33.238,0	
1	362		100.393,0	
1	363		2.610,0	
1	365		8.897,0	
1	367		2.051,0	
1	371	Hộ ông: Lý Văn Thương	3.974,0	
1	372	Hộ ông: Hứa Văn Tòng	7.383,0	
1	374		5.520,0	
1	375		6.857,0	
1	381		11.387,0	
1	399		14.914,0	
1	402		12.843,0	
1	404	UBND Xã	4.536,0	
1	406		20.009,0	
1	409		18.058,0	
1	410	UBND Xã	14.638,0	
1	415		22.765,0	
1	418		3.320,0	
1	419		26.792,0	
1	420		95.891,0	
1	421		12.225,0	
1	422		9.469,0	
1	423		5.881,0	
1	425		9.109,0	
1	427	Hộ ông: Lương Văn Thông	14.737,0	
1	428	Hộ ông: Lương Văn Thành	13.530,0	
1	429	Hộ ông: Lương Văn Khi	7.089,0	
1	432	Hộ ông: Hoàng Văn Hương	2.192,0	
1	435		8.080,0	
1	437		70.009,0	
1	440	Hộ ông: Lương Ngọc Tiến	2.727,0	
1	443	Hộ ông: Lương Ngọc Tiến	4.468,0	
1	445		1.485,0	
1	447		119.170,0	
1	453		4.290,0	
1	464		36.432,0	
1	467		4.791,0	
1	468		24.586,0	
1	469		4.775,0	
1	471		5.193,0	
1	472		153.045,0	
1	473		26.017,0	
1	474		16.620,0	
1	476		62.819,0	
1	477		10.414,0	
1	478		118.656,0	

1	484		37.523,0	
1	485		25.756,0	
1	487		19.842,0	
1	488		6.048,0	
1	491	Hộ ông: Lương Văn Châm	24.745,0	
1	492	UBND Xã	53.581,0	
1	494		2.137,0	
1	496		3.916,0	
1	500		39.597,0	
1	502		4.099,0	
1	503	UBND Xã	2.405,0	
1	508		5.942,0	
1	509	UBND Xã	24.444,0	
1	511		46.902,0	
1	512		14.630,0	
1	513		42.511,0	
1	514	UBND Xã	18.480,0	
1	515		13.342,0	
1	517	UBND Xã	8.531,0	
1	519	UBND Xã	21.457,0	
1	523		38.427,0	
1	526	Hộ ông: Hứa Văn Trường	5.569,0	
1	528	Hộ ông: Hứa Đức Xuân	6.600,0	
1	529		7.012,0	
1	530		29.172,0	
1	531		161.714,0	
1	536		15.875,0	
1	538	UBND xã	80.735,0	
1	539		1.069,0	
1	544		17.488,0	
1	545		12.872,0	
1	546		33.708,0	
1	547		210.263,0	
1	548	Hộ ông: Hứa Đức Xuân	32.724,0	
1	549	Hộ ông: Hứa Đức Lâm	4.272,0	
1	554	UBND Xã	2.648,0	
1	557		25.011,0	
1	559		43.402,0	
1	561		8.831,0	
1	562		77.317,0	
1	571		6.325,0	
1	572	UBND Xã	1.408,0	
1	575	UBND Xã	18.260,0	
1	576	UBND Xã	13.119,0	
1	577		11.582,0	
1	582		33.920,0	
1	583		68.385,0	
1	584		2.601,0	
1	585		19.310,0	
1	586		1.560,0	

1	587		8.077,0	
1	588	UBND xã	21.671,0	
1	589	Hộ ông: Lộc Văn Kiêm	19.180,0	
1	590	UBND Xã	10.667,0	
1	597		117.820,0	
1	598		33.285,0	
1	599		3.398,0	
1	601	UBND Xã	14.195,0	
1	607	Hộ ông: Hứa Đức Lâm	37.050,0	
1	608		8.654,0	
1	611		4.105,0	
1	612		8.329,0	
1	613		22.027,0	
1	614		61.690,0	
1	615		2.793,0	
1	616		7.932,0	
1	619	UBND Xã	4.737,0	
1	620		6.756,0	
1	621		4.346,0	
1	622		7.431,0	
1	623		11.866,0	
1	632		23.735,0	
1	634		7.034,0	
1	636		13.859,0	
1	637		4.104,0	
1	638		149.571,0	
1	639		2.219,0	
1	640		3.331,0	
1	641		9.044,0	
1	642		3.761,0	
1	644		6.570,0	
1	646		112.946,0	
1	647		46.384,0	
1	650	UBND Xã	21.160,0	
1	651	UBND Xã	9.990,0	
1	652	UBND Xã	10.829,0	
1	653	UBND Xã	6.495,0	
1	654	UBND Xã	8.072,0	
1	655		3.023,0	
1	658		18.963,0	
1	661	UBND Xã	7.870,0	
1	662	UBND Xã	22.585,0	
1	665		4.956,0	
1	668		34.406,0	
1	670		17.824,0	
1	671		17.962,0	
1	675		271.303,0	
1	676		3.253,0	
1	703		16.730,0	
1	704		7.370,0	

1	707		5.164,0	
1	709	UBND Xã	9.418,0	
1	714		31.073,0	
1	716	UBND Xã	45.375,0	
1	719		14.114,0	
1	720		94.333,0	
1	721		76.372,0	
1	722		19.138,0	
1	723		27.938,0	
1	724	UBND Xã	16.856,0	
1	725		4.228,0	
1	729	UBND Xã	44.930,0	
1	731	Hộ ông: Nông Thị Sinh	24.803,0	
1	733	UBND Xã	78.211,0	
1	734		7.590,0	
1	740			
2	1	UBND Xã	80.092,0	
2	2		2.371,0	
2	6		6.855,0	
2	7		2.106,0	
2	13		5.301,0	
2	17		11.949,0	
2	26		19.560,0	
2	36	UBND Xã	21.696,0	
2	37		19.820,0	
2	38		30.658,0	
2	41		3.266,0	
2	43	Hộ ông: Hoàng Văn Trọng	29.440,0	
2	46		11.401,0	
2	48	Hộ ông: Lương Viết Tèo	38.237,0	
2	51		9.292,0	
2	52		14.045,0	
2	55		2.703,0	
2	56		14.178,0	
2	58		5.261,0	
2	70	Hộ ông: Lý Khải Văn	29.726,0	
2	73		8.515,0	
2	76	Hộ ông: Lý Văn Đông	56.499,0	
2	80		991,0	
2	82	UBND Xã	11.761,0	
2	83	Hộ ông: Lý Văn Thạch	7.240,0	
2	84	Hộ ông: Lưu Văn Trường	8.882,0	
2	85	Hộ ông: Lý Văn Thạch	12.928,0	
2	87	Hộ ông: Lưu Văn Trường	5.794,0	
2	88	UBND Xã	62.948,0	
2	89	Hộ ông: Lưu Văn Trường	22.461,0	
2	90	Hộ ông: Lý Văn Thạch	47.493,0	
2	91	UBND Xã	123.917,0	
2	95	UBND Xã	10.007,0	
2	116		7.352,0	

2	119	Hộ ông: Lý Văn Siêu	13.423,0	
2	120	UBND Xã	8.328,0	
2	122		8.585,0	
2	124		12.188,0	
2	126		122.664,0	
2	127		3.890,0	
2	132		3.300,0	
2	134	UBND Xã	106.630,0	
2	135		14.792,0	
2	137		27.201,0	
2	139		9.626,0	
2	140		5.116,0	
2	141		1.579,0	
2	142		5.544,0	
2	143		4.289,0	
2	144		41.429,0	
2	145		26.512,0	
2	146		8.757,0	
2	147		17.516,0	
2	148		22.130,0	
2	149		13.058,0	
2	150		158.480,0	
2	151		2.197,0	
2	152		62.519,0	
2	155		11.185,0	
2	160		1.153,0	
2	161		1.747,0	
2	163	UBND Xã	35.457,0	
2	164		4.623,0	
2	165	UBND Xã	44.179,0	
2	166		21.507,0	
2	167		4.007,0	
2	168		39.869,0	
2	169		20.290,0	
2	170		8.653,0	
2	171		3.023,0	
2	172		7.246,0	
2	173		12.134,0	
2	174		9.399,0	
2	175		9.123,0	
2	177	UBND Xã	5.221,0	
2	178	Hộ ông: Lưu Văn Trường	4.637,0	
2	182		94.382,0	
2	183		1.091,0	
2	184		39.858,0	
2	186	Hộ ông: Lưu Văn Trường	41.574,0	
2	187	Hộ ông: Lưu Văn Trường	4.317,0	
2	193		26.286,0	
2	196	Hộ ông: Lưu Văn Trường	4.468,0	
2	197		2.170,0	

2	203		3.106,0	
2	204		17.404,0	
2	211		820,0	
2	212		7.310,0	
2	213	Hộ ông: Hoàng Văn Biền	10.238,0	
2	214		3.520,0	
2	216	Hộ ông: Hoàng Văn Biền	3.085,0	
2	218	Hộ ông: Hoàng Văn Khuy	23.124,0	
2	219		34.503,0	
2	220		36.208,0	
2	224		3.732,0	
2	226		990,0	
2	231		18.211,0	
2	233		4.337,0	
2	234		6.918,0	
2	235		16.799,0	
2	236		17.443,0	
2	237		10.486,0	
2	239	UBND Xã	5.021,0	
2	242	UBND Xã	24.132,0	
2	243		4.396,0	
2	246		9.264,0	
2	247		15.412,0	
2	252		4.211,0	
2	257		2.802,0	
2	259	UBND Xã	10.860,0	
2	262	Hộ ông: Lương Văn Hoàn	447,0	
2	263	UBND Xã	37.456,0	
2	265		9.865,0	
2	269		34.653,0	
2	275	UBND Xã	22.891,0	
2	286		871,0	
2	287		6.918,0	
2	290		5.928,0	
3	1	UBND Xã	97.844,0	
3	10		2.726,0	
3	11		4.116,0	
3	12	Hộ ông: Lý Văn Sướng	55.404,0	
3	21	Hộ ông: Lưu Văn Hương	6.152,0	
3	23		60.872,0	
3	24	UBND Xã	3.335,0	
3	31		12.658,0	
3	33	Hộ ông: Lương Viết Hoàn	30.198,0	
3	36	Hộ ông: Hoàng Văn Bột	31.325,0	
3	45		11.969,0	
3	50		4.456,0	
3	54	Hộ ông: Hứa Văn Lơ	14.354,0	
3	55		30.497,0	
3	57		30.843,0	
3	60	UBND Xã	6.326,0	

3	62	UBND Xã	487.135,0	
3	63	Hộ ông: Lý Văn Lùng	4.486,0	
3	66	UBND Xã	36.608,0	
3	73		14.191,0	
3	74	UBND Xã	26.674,0	
3	80		2.158,0	
3	84		9.093,0	
3	87		1.359,0	
3	98		4.513,0	
3	100		1.955,0	
3	101		37.673,0	
3	102		22.828,0	
3	106		40.173,0	
3	117	Hộ ông: Lý Văn Nghiệm	9.931,0	
3	118	Hộ ông: Lý Văn Ngáo	5.870,0	
3	121	Hộ ông: Lý Văn Lùng	2.732,0	
3	123	Hộ ông: Lý Văn Ngáo	8.064,0	
3	131		46.304,0	
3	132		7.561,0	
3	133		22.920,0	
3	134		40.748,0	
3	135		19.044,0	
3	136		77.881,0	
3	137	Hộ ông: Lý Thị Pèng	7.550,0	
3	139		129.667,0	
3	140		35.219,0	
3	149		54.499,0	
3	151	Hộ ông: Lưu Văn Toàn	15.949,0	
3	155	Hộ ông: Nguyễn Thị Khác	11.593,0	
3	181		12.315,0	
3	182		39.659,0	
3	183		23.096,0	
3	184		11.333,0	
3	186	Hộ ông: Hà Văn Tích	11.641,0	
3	187		101.577,0	
3	188		5.213,0	
3	189		45.976,0	
3	190	UBND Xã	7.090,0	
3	191		12.023,0	
3	193		8.770,0	
3	194		5.138,0	
3	195		29.120,0	
3	196		39.361,0	
3	203	UBND Xã	3.428,0	
3	205		20.127,0	
3	206		10.322,0	
3	208	Hộ ông: Lý Văn Sướng	4.907,0	
3	210	Hộ ông: Hà Văn Phóng	19.988,0	
3	215	Hộ ông: Hà Văn Phóng	1.100,0	
3	217		29.716,0	

3	226		14.634,0	
3	233		30.385,0	
3	238	Hộ ông: Hoàng Văn Sinh	17.906,0	
3	244	Hộ ông: Hà Văn Phóng	3.563,0	
3	245		9.334,0	
3	250		43.099,0	
3	255	Hộ ông: Dương Văn Đàn	5.673,0	
3	259	UBND Xã	7.924,0	
3	260		108.508,0	
3	261		26.105,0	
3	262		29.840,0	
3	265	Hộ ông: Hứa Văn Cộ	5.814,0	
3	266		45.116,0	
3	269	UBND Xã	2.302,0	
3	270		34.117,0	
3	271	Hộ ông: Lý Văn Sướng	6.007,0	
3	291	Hộ ông: Hứa Văn Biền	11.491,0	
4	1		11.081,0	
4	3		158.940,0	
4	5	UBND Xã	5.651,0	
4	8		6.002,0	
4	17	UBND Xã	51.311,0	
4	18		2.708,0	
4	19	Hộ ông: Đinh Thị Khởi	23.753,0	
4	20	UBND Xã	2.631,0	
4	22		5.760,0	
4	23		25.484,0	
4	24		5.864,0	
4	25		3.635,0	
4	26		9.486,0	
4	27		3.797,0	
4	28		5.670,0	
4	29		22.876,0	
4	31		24.049,0	
4	32	UBND Xã	11.413,0	
4	34		12.604,0	
4	35	UBND Xã	15.128,0	
4	36		11.284,0	
4	38	UBND Xã	20.522,0	
4	40	UBND Xã	6.696,0	
4	42	Hộ ông: Hoàng Văn Tích	8.640,0	
4	54	UBND Xã	185.323,0	
4	55		1.114,0	
4	56		8.822,0	
4	60	Hộ ông: Hoàng Văn Khuy	3.777,0	
4	64	UBND Xã	34.981,0	
4	66	UBND Xã	16.326,0	
4	71		5.407,0	
4	73		3.790,0	
4	74		5.378,0	

4	75		12.734,0	
4	76		74.776,0	
4	77		29.603,0	
4	80	Hộ ông: Hoàng Như Thịnh	1.212,0	
4	86	Hộ ông: Hoàng Như Thịnh	2.277,0	
4	89	UBND Xã	1.785,0	
4	90	UBND Xã	14.255,0	
4	94	UBND Xã	33.378,0	
4	98	UBND Xã	1.234,0	
4	102		1.874,0	
4	103		1.422,0	
4	114	UBND Xã	925,0	
4	116	UBND Xã	8.438,0	
4	123	UBND Xã	23.734,0	
4	124	UBND Xã	6.068,0	
4	125	UBND Xã	39.631,0	
4	130	Hộ ông: Hoàng Văn Khuy	3.311,0	
4	134	Hộ ông: Hoàng Lưu Bội	3.045,0	
4	141	UBND Xã	57.165,0	
4	143		30.862,0	
4	144	UBND Xã	2.510,0	
4	146	Hộ ông: Hoàng Văn Bào	16.639,0	
4	147		127.120,0	
4	149	Hộ ông: Hoàng Văn Chung	12.663,0	
4	150	UBND Xã	4.144,0	
4	153	UBND Xã	1.972,0	
4	156	UBND Xã	63.424,0	
4	157	UBND Xã	30.538,0	
4	159	UBND Xã	35.345,0	
4	161		3.122,0	
4	172	Hộ ông: Hoàng Văn Nghiệp	43.503,0	
4	173	UBND Xã	75.464,0	
4	174			
4	175			
4	176			
4	177			
4	178			
4	179			
4	181	Lý Hồng Thanh	8.025,0	
5	16	UBND Xã	65.210,0	
5	17		6.466,0	
5	21	UBND Xã	17.048,0	
5	24	UBND Xã	17.523,0	
5	25		23.717,0	
5	26		18.655,0	
5	28	UBND Xã	10.113,0	
5	30		8.569,0	
5	35		10.250,0	
5	36	UBND Xã	1.518,0	
5	38	Hộ ông: Hứa Quang Tài	54.160,0	

5	45		63.739,0	
5	46		6.696,0	
5	47	UBND Xã	22.334,0	
5	49		39.670,0	
5	51	UBND Xã	13.857,0	
5	62		79.949,0	
5	63	Hộ ông: Lý Văn Bằng	1.139,0	
5	66	UBND Xã	4.988,0	
5	72	Hộ ông: Dương Văn Thêm	12.048,0	
5	97		55.020,0	
5	107		10.197,0	
5	116		25.071,0	
5	127	Hộ ông: Lưu Sài Thôn	2.034,0	
5	129	UBND Xã	3.453,0	
5	156		5.264,0	
5	157		6.261,0	
5	164		9.498,0	
5	167		10.888,0	
5	172		4.151,0	
5	173	UBND Xã	2.252,0	
5	174	UBND Xã	10.389,0	
5	175		4.531,0	
5	177		2.023,0	
5	180	Ông: Hứa Văn Mìn	48.363,7	
5	181	Ông: Hứa Văn Mìn	30.005,0	
5	182	Ông: Hứa Văn Mìn	18.358,7	
5	183	Ông: Hứa Văn Mìn	83.803,2	